

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST
Ngày: 09 / 7 / 2021
“V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Ông Tôn Phước Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 396/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc về việc “tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Hồng L, sinh năm 1964; địa chỉ: số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Mỹ H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Hồng L trình bày, vào khoảng năm 2018, bà Lê Mỹ H, Chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng M (sau đây được viết tắt là Cửa hàng M) có đến Cửa hàng vật liệu xây dựng V (sau đây được viết tắt là Cửa hàng V), do bà L làm Chủ, để mua vật liệu xây dựng (xi măng, gạch...) về bán lại cho người khác. Hình thức thanh toán gởi đầu. Bà H trực tiếp nhận

hàng tại Cửa hàng M và ký tên vào sổ giao hàng của bà L để theo dõi. Khi bà H trả tiền hàng cũng được ghi vào sổ theo dõi.

Đến ngày 24/01/2020, bà L và bà H lập biên nhận nợ chốt lại số tiền nợ. Theo đó, bà H còn nợ bà L 352.000.000 đồng và bên nhận nợ phải chịu lãi suất 03%/tháng kể từ thời điểm lập biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Sau đó, do bà H không trả tiền lãi 09 tháng (từ ngày 24/01/2020 đến ngày 13/10/2020) với số tiền 95.000.000 đồng nên bà H, bà L thống nhất ghi biên nhận nợ ngày 13/10/2020 với tổng số nợ 447.000.000 đồng. Từ ngày chốt nợ cho đến nay, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L, mặc dù, bà L đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Vì vậy, bà L yêu cầu bà H trả số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ 447.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: Biên nhận nợ ngày 13/10/2020 có chữ ký, chữ viết đề họ và tên Lê Mỹ H (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số: 51.I8000824 đăng ký lần đầu, ngày 17/01/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 04/12/2008 tên hộ kinh doanh V (bản sao).

- Bị đơn bà Lê Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng mua bán giữa bà L và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật và việc mua bán đều phát sinh lợi nhuận nên yêu cầu khởi của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của bà L, hai bên có lập biên nhận mua hàng thể hiện bà H còn nợ bà L tiền mua hàng và tiền lãi với tổng số tiền 447.000.000

đồng. Sau đó, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 50, 306 Luật Thương mại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 50, 306 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; buộc bà H trả cho bà L số tiền 447.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về loại án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mai Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu bà Lê Mỹ H trả số tiền nợ mua bán vật liệu xây dựng, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự “tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Lê Mỹ H có đăng ký kinh doanh. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52I8009681, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/9/2017, bà H có đăng ký ngành nghề kinh doanh mua bán cát, đá, vật liệu xây dựng.

Do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận cho nên Tòa án xác định lại loại án và quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ án kinh doanh thương mại về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bà H cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà L, bà H vắng mặt tại phiên tòa, trong đó, bà L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bà H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, bà H theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[4] Về việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa:

Nguyên đơn bà Mai Thị Hồng L khai, từ khoảng năm 2018, bà H đã nhiều lần đến Cửa hàng V mua vật liệu xây dựng và nợ lại nhiều lần. Việc xác lập hợp đồng mua bán giữa bà L (chủ Cửa hàng V) với bà H phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 nên phát sinh giá trị pháp lý.

Về việc thực hiện hợp đồng, bà L khai, do bà H nợ tiền mua hàng nhưng không trả nên vào ngày 24/01/2020, bà L và bà H chốt lại số tiền nợ. Theo đó, bà H còn nợ bà L 352.000.000 đồng và phải chịu lãi suất 03%/tháng kể từ ngày 24/01/2020, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Sau đó, do bà H không trả tiền lãi

09 tháng với số tiền 95.000.000 đồng nên bà H, bà L thống nhất ghi biên nhận nợ ngày 13/10/2020 với tổng số nợ 447.000.000 đồng.

Lời khai của bà L phù hợp với nội dung biên nhận nợ ngày 13/10/2020 có chữ ký, chữ viết đề họ và tên Lê Mỹ H.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành Thông báo số 15/TB-TA ngày 15/3/2021 yêu cầu bà H cung cấp lời khai và giao nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đối với nội dung sự việc, yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng bà H không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định bà H mua vật liệu xây dựng của bà L (chủ Cửa hàng V) và nợ lại số tiền 352.000.000 đồng và các bên cộng 09 tháng nợ lãi với số tiền 95.000.000 đồng thành tổng số nợ 447.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà L yêu cầu bà H trả số nợ mua vật liệu xây dựng 447.000.000 đồng, không yêu cầu trả thêm nợ lãi.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên bà L khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005. Vì vậy, buộc bà H phải thanh toán cho bà L số nợ 447.000.000 đồng.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà L là 21.880.000 đồng.

Bà L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí 10.940.000 đồng mà bà L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 4, 24, 50, 306 của Luật Thương mại năm 2005; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng L.

Buộc bà Lê Mỹ H trả cho bà Mai Thị Hồng L số nợ mua bán 447.000.000 (bốn trăm bốn mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Mỹ H phải chịu 21.880.000 (hai mươi một triệu, tám trăm tám mươi nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Mai Thị Hồng L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí 10.940.000 (mười triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013822 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Bà Mai Thị Hồng L, bà Lê Mỹ H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình